

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 29

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bún gạo nấu tôm tươi, giá, hẹ lá, su hào, cải thìa
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá cam sốt cà chua, hành lá
- Canh rau ngót nấu thịt bò, nấm bào ngư, hành lá, ngò rí
Xế: Bánh Pudding trứng sữa
Xế chiều: Miến nấu thịt heo, bắp mỹ, bông cải xanh, cải caron, hành lá, ngò rí

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	400	3,140	12,560
2	0494	Đường cát	200	3,880	7,760
3	N0966	Muối Iot	200	740	1,480
4	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
5	0004	Gạo tẻ máy	1,800	2,560	46,080
6	0120	Hành lá (hành hoa)	100	5,460	5,460
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,930	4,465
8	0653	Bún khô	400	4,950	19,800
9	0097	Cải thìa (cải trắng)	100	5,040	5,040
10	0118	Giá đậu xanh	100	2,730	2,730
11	0124	Hẹ lá	50	5,360	2,680
12	0178	Su hào	200	5,250	10,500
13	0424	Tôm sú	400	32,030	128,120
14	0087	Cà chua	400	7,880	31,520
15	N0778	Nấm bào ngư	100	13,130	13,130
16	0168	Rau ngót	500	6,090	30,450
17	0286	Thịt bò loại II	400	36,750	147,000
18	0038	Miến dong	300	5,390	16,170
19	N0896	Bắp Mỹ (hạt tươi)	200	4,200	8,400
20	0182	Bông cải xanh (súp lơ)	200	7,880	15,760
21	0098	Cải xanh	100	5,360	5,360
22	N0770	Thịt nạc dăm	400	18,480	73,920
23	0646	Bánh pudding	1,160	11,800	136,880
24	0457	Sữa bột toàn phần	547	20,500	112,135
25	0622	Cá cam	1,500	15,120	226,800

Tổng chợ	1,073,000
----------	-----------

Tổng tiền thực phẩm	1,073,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,073,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiền chuẩn lũy kế từ đầu tháng	16,835,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	16,834,999

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan